

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	 
<p>B24.19/TTQT 0087</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 06/03/2024 Trang (Page): 01/02</p>

- Tên mẫu**
Sample Name

: **Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn, vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1155451; Y: 441116.**
Domestic wastewater after treatment of Nam Con Son Pipeline Company, sampling location has coordinates X: 1155451; Y: 441116.
- Ngày nhận mẫu**
Date of receive sample

: **23/02/2024.**
- Khách hàng**
Customer

: **Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.**
Nam Con Son Pipeline Company.
- Kết quả thử nghiệm**
Test result

:

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
1. Amoni (N-NH ₄ ⁺)* <i>Nitrogen – Aminonium</i>	mg/l	TCVN 5988 : 1995	KPH (<1,00)
2. BOD ₅ (ở 20°C)* <i>Biological oxygen demand</i>	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
3. Sunfua (S ²⁻) <i>Sunfur</i>	mg/l	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH (<0,12)
4. Phosphat (P-PO ₄ ³⁻)* <i>Phosphate</i>	mg/l	TCVN 6202 : 2008	5,14
5. Nitrat (N-NO ₃ ⁻)* <i>Nitrogen – Nitrate</i>	mg/l	TCVN 6494-1: 2011	24
6. Dầu mỡ động thực vật <i>Vegetable oils and fats</i>	mg/l	SMEWW 5520B&F: 2023	KPH (<0,3)
7. T – Coliform <i>Total Coliform</i>	MPN/ 100ml	SMEWW 9223B:2023	KPH (<2,0)

	<p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p>	
<p>B24.19/TTQT 0087</p>	<p>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT</p>	<p>Ngày (Date): 06/03/2024 Trang (Page): 02/02</p>

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
8. Tổng chất rắn hòa tan (TDS) mg/l <i>Total dissolved solids</i>	SOP – PQT - 44	425
9. Chất rắn lơ lửng (TSS)* mg/l <i>Total suspended solids</i>	TCVN 6625 : 2000	46
10. pH	TCVN 6492 : 2011	7,1
11. Chất hoạt động bề mặt** mg/l <i>Surfactant</i>	SMEWW 5540B & C:2017	0,32

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h15/ *Note: Sample taken by The center for environmental monitoring and resources at 10h15.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ *Norm is recognized by the BOA. Number VILAS 149.*

(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Target for subcontractors.*

Mẫu được lấy theo Hợp đồng C-1322/TTQTTNMT-DVTV ngày 26/01/2024/ *Samples were taken under Contract C-1322/TTQTTNMT-DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.*

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
HEAD ANALYSIS DIVISION**

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**

Nguyễn Thị Lệ Hằng



Lê Tuấn Kiệt